TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2022.
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ông Trương Minh Thọ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Đinh Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh Tr, sinh năm: 1985;
Địa chỉ: Số 40 tổ SN, Phường x, thành phố Đà Lạt.
Bị đơn: Anh Trần Nguyên H, sinh năm: 1985;
Địa chỉ: Số 40/18 tổ SN, Phường x, thành phố Đà Lạt.
Địa chỉ hiện nay: Số 86 LVT, Phường x, thành phố Đà Lạt.
(Chị Tr có mặt; anh H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2022 và lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh Tr trình bày:

Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới năm 2017 và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường 11, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chị.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do cách suy nghĩ và cách sống của vợ chồng không hòa hợp. Anh H là thợ sửa điện nước, thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng.

Vợ chồng sống ly thân từ ngày 01/5/2020 cho đến nay, anh H chuyển ra nhà

trọ sống.

Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nên đề nghị ly hôn.

Về con chung có 01 con chung là Trần Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 06/01/2020. Hiện chị là người trực tiếp chăm lo cho con.

Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

** Bị đơn anh Trần Nguyên H trình bày:*

Anh và chị Tr có đăng ký kết hôn ngày 27/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị sống chung với nhà bố mẹ của chị Tr. Nhưng được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do cách suy nghĩ của hai bên khác nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 01/5/2020 đến nay, anh sống tại số 86 LVT, Phường x, thành phố Đà Lạt còn chị Tr và con gái sống tại nhà bố mẹ chị Tr. Nay anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung có 01 con chung là Trần Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 06/01/2020. Hiện chị Tr là người trực tiếp chăm lo cho con. Khi ly hôn anh cũng đồng ý giao cháu Đ cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do anh H có đơn đề nghị vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H. Và đề nghị được nuôi con chung là Trần Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 06/01/2020 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt ngày 29/7/2022, theo nội dung đơn anh H cũng đồng ý với đơn khởi kiện của chị Tr. Về con chung anh H cũng đồng ý giao con chung cho chị Tr nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Tr và anh H được ly hôn, giao con chung cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Tr và bị đơn anh H có đăng ký kết hôn, nay chị Tr có đơn yêu cầu được ly hôn với anh H. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là: "*Tranh chấp ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn anh Trần Nguyên H có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh Tr thì thấy rằng:

Chị Tr và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và đã được Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/11/2017. Quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh H là có trên thực tế và hai người đã có 01 con chung là Trần Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 06/01/2020.

Thời gian chung sống hạnh phúc chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, mặc dù cả hai bên đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn được. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, ... và lý do chính đáng khác".

Theo chị Tr thì vợ chồng không chăm sóc lẫn nhau và anh H đã dọn ra khỏi nhà, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 01/5/2020 đến nay. Hiện tại anh H sống tại số 86 Lâm Văn Thạnh, Phường 11, thành phố Đà Lạt còn chị Tr và con gái sống tại nhà bố mẹ chị Tr.

Tòa án tiến hành xác minh chính quyền địa phương ngày 21/7/2022 về mâu thuẫn hôn nhân của chị Tr và anh H là có, vợ chồng anh H, chị Tr có cãi nhau. Đối với việc nuôi dạy con chung của chị Tr là tốt còn anh H không chăm sóc, quan tâm đến vợ con.

Xét thấy, hiện nay cả chị Tr và anh H cũng thừa nhận không còn tình cảm với nhau, vợ chồng sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung:

Chị Tr và anh H đều xác nhận có 01 con chung là Trần Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 06/01/2020. Chị Tr có nguyện vọng được nuôi con chung. Theo đơn xin vắng mặt đề ngày 29/7/2022, anh H cũng đồng ý giao con chung cho chị Tr nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ/tháng nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Trần Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 06/01/2020 cho chị Tr nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi và buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng là có căn cứ.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Cả chị Tr và anh H đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tuyên xử theo hướng nhận định nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, 55, 56, 57, 58, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh Tr về việc *"Tranh chấp ly hôn"* với đối với bị đơn anh Trần Nguyên H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh Tr và bị đơn anh Trần Nguyên H được ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao con chung là Trần Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 06/01/2020 cho chị Trần Thị Thanh Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Nguyên H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 8/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thanh toán số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh Tr phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001960 ngày 28/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc anh Trần Nguyên H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trần Thị Thanh Tr có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng

anh Trần Nguyên H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND P.x, TP. Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Dương Thị Liên